

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/11/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Châu

2. Bà Phạm Thị Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Phương - Kiểm sát viên

Ngày 22/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1976

Nơi ĐKTT: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/11/1998. Sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong công việc và sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát. Mặc dù được gia đình khuyên bảo, hòa giải và hai anh chị cũng tự giải quyết mâu thuẫn, nhưng quan hệ hôn nhân không cải thiện được. Từ tháng 12/2017 anh chị không quan tâm đến nhau. Ngày 11/6/2018, sau khi bị anh H đánh, chị đưa các con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương; anh chị ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay, nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng và không thể kéo dài quan hệ hôn nhân được nữa, chị khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Anh chị có ba con chung. Con Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/5/2000 đã thành niên. Các con Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 25/3/2007 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/10/2013 chị đang trực tiếp nuôi dưỡng; chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh khai đúng với ý kiến của chị L về điều kiện kết hôn. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 12/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chị L không tin tưởng, thông cảm với anh, nghị ngờ anh có quan hệ không đúng mực, dẫn đến vợ chồng thường mâu thuẫn, có một lần xảy ra xô xát. Từ tháng 6/2018 đến nay, chị L về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, anh chị ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị L vẫn còn và vì các con, anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có ba con chung. Con Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/5/2000 đã thành niên, đang học đại học, anh có trách nhiệm nuôi ăn học; Con Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 25/3/2007 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/10/2013 anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định có tổng thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Đơn đề nghị ngày 11/9/2018, anh H trình bày quan điểm: Đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L; không đề nghị về việc nuôi con và giữ nguyên ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Thực tế giữa anh chị không còn tình cảm vợ chồng và không thể kéo dài quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, anh H không nhất trí là vì gây khó khăn cho chị. Từ khi anh chị ly thân đến nay, anh H không chủ động gặp gỡ chị hay có biện pháp nào thể hiện anh muốn đoàn tụ với chị. Về con chung: Con Nguyễn Thị L đang học đại học, dù đã thành niên nhưng vẫn cần gia đình sự trợ giúp của gia đình và anh H vẫn chu cấp tiền ăn học cho con. Con Nguyễn Thị Mai C và Nguyễn Tuấn Kiệt hiện do chị nuôi dưỡng và đang học tập tại nơi chị cư trú, tiện cho việc chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện chị hưởng lương giáo viên tiểu học và có thu nhập thêm khoảng 5.000.000 đồng/ tháng từ việc bán hàng trực tuyến, có đủ điều kiện để bảo đảm điều kiện tốt nhất cho con. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chấp hành không đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, 232, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn

khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Phạm Thị L với bị đơn Nguyễn Văn H; giao con chung Nguyễn Thị Mai C, Nguyễn Anh K cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn H, cư trú tại: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị L nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang đã triệu tập họp lệ anh Nguyễn Văn H đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần; một lần anh H vắng mặt không có lý do và một lần có mặt nhưng tự bỏ về khi Tòa án tiến hành phiên họp. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N vào ngày 17/11/1998 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hòa hợp trong sinh hoạt hằng ngày, không thông cảm cho nhau trong công việc và thiếu tin tưởng nhau dẫn đến thường xảy ra cãi cọ xô xát. Từ tháng 12/2017 anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Từ tháng 6/2018 đến nay, chị L đưa các con về gia đình bố mẹ đẻ chị L sinh sống; anh chị không còn gặp gỡ nhau. Anh H không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, nhưng anh không có biện pháp cụ thể nào thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ với chị L. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải, anh H đều không tham gia. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã và Công an xã T, huyện N, thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị L và anh H là có thật và đến mức trầm trọng; Sau khi xảy ra xô xát, chị L bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở và anh chị đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, cho thấy không thể hàn gắn đời sống chung; mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết cho chị L ly hôn anh H. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có ba con chung. Con Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/5/2000 đã thành niên, nên không phải giao cho chị L hoặc anh H nuôi dưỡng. Tuy nhiên, chị L và anh H đều xác định anh H vẫn chu cấp tiền ăn học cho con. Các con

Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 25/3/2007 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/10/2013 do chị L nuôi dưỡng; chị L xác định có đủ điều kiện nuôi con, có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con Nguyễn Thị Mai C và bảo đảm sự ổn định trong sinh hoạt, học tập của các con, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 25/3/2007 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/10/2013 cho chị Phạm Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Các bên đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0004850 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/10/2018; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã T, huyện N (để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính